

Số: 75/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 1985

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định tạm thời về quản lý giá ở thành phố Hồ Chí Minh.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1983;
- Căn cứ Điều lệ quản lý giá ban hành kèm theo Nghị định 33/HĐBT ngày 27 tháng 2 năm 1984 của Hội đồng Bộ trưởng;
- Trong khi chờ đợi sự hướng dẫn của Ủy ban Vật giá Nhà nước;
- Vận dụng Điều lệ quản lý giá ban hành kèm theo Nghị định 33/HĐBT vào điều kiện cụ thể của thành phố;
- Theo đề nghị của đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá thành phố;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Nay ban hành quy định tạm thời về quản lý giá ở thành phố Hồ Chí Minh kèm theo quyết định này.

Điều 2.- Phân công phân cấp quản lý giá trong tình hình cụ thể của thành phố là một vấn đề phức tạp, Ủy ban Vật giá thành phố có trách nhiệm theo dõi tập hợp ý kiến phản ánh của các ngành các cấp ở thành phố trong thực hiện và sự hướng dẫn của Ủy ban Vật giá Nhà nước để trình Ủy ban Nhân dân thành phố về những bổ sung sửa chữa cần thiết vào cuối năm 1985.

Điều 3.- Các Quận, Huyện theo dự kiến của Quyết định 12/QĐ-UB ngày 31-1-1985 của Ủy ban Nhân dân thành phố chưa lập phòng Vật giá, nay cũng phải tổ chức Phòng Vật giá ở Quận, Huyện mình để giúp Ủy ban Nhân dân Quận, Huyện thực hiện tốt nhiệm vụ được phân cấp quản lý giá.

- Các Sở: Công nghiệp, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp phải sớm tổ chức Phòng Vật giá thuộc Sở để giúp Giám đốc Sở thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý giá được phân công.

Các Sở Quản lý sản xuất kinh doanh còn lại cần xúc tiến thành lập Phòng Vật

giá của Sở.

- Ủy ban Vật giá thành phố, chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức chánh quyền thành phố, các Sở và Quận, Huyện xúc tiến việc tổ chức các Phòng Vật giá nói trên.

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, những quy định về quản lý giá trước đây ở thành phố trái với bản quy định ban hành kèm theo quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 5.- Các đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố, Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá thành phố, Trưởng Ban Tổ chức Chánh quyền thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành ở thành phố, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các Quận Huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

KT/CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Võ Danh

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 1985

QUY ĐỊNH
VỀ QUẢN LÝ GIÁ Ở TP. HỒ CHÍ MINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 75/QĐ-UB
ngày 16 tháng 4 năm 1975 của UBND TP Hồ Chí Minh)

Chương I

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC NGÀNH, CÁC CẤP
Ở THÀNH PHỐ TRONG VIỆC QUẢN LÝ GIÁ.

Điều 1.- Ủy ban nhân dân thành phố quyết định những vấn đề lớn về giá cả có quan hệ đến sản xuất, lưu thông, tích lũy và đời sống của nhân dân thành phố, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Căn cứ vào sự chỉ đạo của Trung ương, xác định phương hướng nhiệm vụ giá cả cho thành phố quyết định những biện pháp cần thiết để thực hiện tốt kế hoạch chính sách giá cả nhằm cải tạo xã hội chủ nghĩa thúc đẩy sản xuất, ổn định đời sống.

2. Quy định quyền hạn và trách nhiệm của các ngành, các cấp thuộc thành phố trong việc quản lý giá.

3. Chỉ đạo các cơ quan, xí nghiệp do địa phương quản lý chấp hành chính sách giá, nguyên tắc và phương pháp hình thành giá, chế độ quản lý và giá chỉ đạo của Nhà nước.

Chỉ đạo việc kiểm tra, thanh tra các cơ quan, xí nghiệp hoạt động trên địa bàn thành phố trong việc chấp hành chính sách giá, nguyên tắc và phương pháp hình thành giá, chế độ quản lý giá và chỉ đạo Nhà nước.

4. Chỉ đạo các cơ sở kinh tế quốc doanh, công tư hợp doanh, tập thể, cá thể và tư nhân chấp hành chế độ đăng ký niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết.

5. Xem xét phương án giá mặt hàng thành phố sản xuất, nhưng trung ương quy định giá.

6. Quyết định các nguyên tắc xác định giá và giá các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu của kinh tế địa phương có ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân ở thành phố, hoặc có liên quan đến nhiều ngành quản lý ngoài phần Trung ương quy định giá, theo danh mục số 1 đính kèm.

7. Quyết định giá trong trường hợp có sự tranh chấp ý kiến giữa các cơ quan của thành phố được uỷ quyền xét duyệt giá.

Điều 2.- Ủy ban Vật giá thành phố là cơ quan của Ủy ban nhân dân thành phố có chức năng giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo công tác giá ở địa phương và được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền quyết định một số giá (theo danh mục số II đính kèm). Mặt khác với tư cách là cơ quan của Ủy ban Vật giá Nhà nước tại địa phương, Ủy ban Vật giá thành phố chịu sự chỉ đạo của Ủy ban Vật giá Nhà nước về việc thực hiện và vận dụng chính sách giá, về chế độ và nghiệp vụ công tác giá, có trách nhiệm chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng và của Ủy ban Vật giá Nhà nước, báo cáo đầy đủ toàn diện tình hình công tác giá ở địa phương với Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban vật giá Nhà nước.

Ủy ban Vật giá thành phố có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố về phương hướng nhiệm vụ giá cả và các nguyên tắc, thể lệ quản lý áp dụng ở thành phố.

2. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân thành phố những biện pháp kế hoạch nhằm thực hiện tốt phương hướng nhiệm vụ, phương châm, chính sách giá cả và mức giá chỉ đạo của Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban vật giá Nhà nước và các cơ quan liên quan ở Trung ương ban hành.

3. Hướng dẫn các cơ quan, xí nghiệp do địa phương quản lý chấp hành chính sách giá, nguyên tắc và phương pháp hình thành giá, chế độ quản lý giá và giá chỉ đạo của Nhà nước.

Tổ chức kiểm tra, thanh tra các cơ quan, xí nghiệp hoạt động trên địa bàn thành phố trong việc chấp hành chính sách giá, nguyên tắc và phương pháp hình thành giá, chế độ quản lý giá và giá chỉ đạo của Nhà nước, và xử lý các vụ vi phạm về kỷ luật giá ở thành phố.

Tổ chức kiểm tra và hướng dẫn các quận, huyện tổ chức kiểm tra việc chấp hành chế độ đăng ký niêm yết giá.

Có quyền yêu cầu các cơ quan cấp thành phố, Ủy ban Nhân dân quận, huyện sửa đổi hoặc bãi bỏ các quyết định về giá trái với quy định của Trung ương và của Ủy ban Nhân dân thành phố. Nếu chưa nhất trí với yêu cầu của Ủy ban Vật giá thành phố thì được kiến nghị lên Ủy ban Nhân dân thành phố xem xét và quyết định, nhưng trong khi chờ đợi giải quyết phải chấp hành ý kiến của Ủy ban Vật giá thành phố.

4. Tổ chức điều tra nghiên cứu, xây dựng phương án giá những mặt hàng theo chủ trương của Ủy ban Nhân dân thành phố hoặc của Trung ương để trình Ủy ban Nhân dân thành phố quyết định, hoặc kiến nghị lên Trung ương quyết định.

Xem xét và đề xuất ý kiến để Ủy ban Nhân dân thành phố quyết định về các phương án giá cho các cơ quan được Ủy ban Nhân dân thành phố phân cấp quản lý giá xây dựng.

5. Hướng dẫn về nghiệp vụ công tác giá cho các cơ quan, các ngành, các cấp, các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc thành phố quản lý.

6. Tham gia với Ủy ban Kế hoạch thành phố, Sở Tài chính, Sở chủ quản trong việc xác định kế hoạch và thực hiện giá thành sản phẩm và phí lưu thông của

các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc thành phố quản lý.

Thành viên của Hội đồng xét duyệt hoàn thành kế hoạch của thành phố.

Điều 3.- Các Sở và cơ quan ngang Sở có nhiệm vụ quản lý sản xuất, kinh doanh (sau đây gọi tắt là Sở) có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Xây dựng và trình phương án giá những sản phẩm và dịch vụ thuộc danh mục số I và số II do các đơn vị thuộc Sở quản lý sản xuất kinh doanh.

2. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật và quản lý hạch toán giá thành ở cơ sở. Chỉ đạo việc lập kế hoạch giá thành, phí lưu thông và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và phí lưu thông sản phẩm ngành mình sản xuất, kinh doanh cho Ủy ban Kế hoạch, Sở tài chính, Ủy ban Vật giá, Cục thống kê thành phố.

3. Tổ chức kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc chấp hành chính sách giá, nguyên tắc và phương pháp hình thành giá, chế độ quản lý giá và giá chỉ đạo của Nhà nước.

4. Được Ủy ban Nhân dân thành phố ủy quyền quyết định giá một số sản phẩm và dịch vụ theo danh mục số III đính kèm.

5. Báo cáo đầy đủ kịp thời và chính xác về công tác giá của Sở và các đơn vị trực thuộc với Ủy ban Vật giá thành phố.

Điều 4.- Các ngành quản lý, kinh tế tổng hợp (kế hoạch, Tài chính, Ngân hàng, Lao động, Thống kê) có trách nhiệm :

Cung cấp cho Ủy ban Vật giá thành phố kế hoạch kinh tế xã hội và tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình tài chính và tiền tệ ở thành phố và cùng Ủy ban Vật giá thành phố xây dựng trình Ủy ban Nhân dân thành phố kế hoạch và biện pháp thực hiện phương hướng nhiệm vụ giá cả, kế hoạch giá cả và các nguyên tắc, thể lệ quản lý giá áp dụng ở thành phố, xây dựng phương án giá những mặt hàng để Ủy ban Nhân dân thành phố kiến nghị với Trung ương quyết định giá hoặc Ủy ban Nhân dân thành phố quyết định giá.

Ngoài ra Ủy ban Kế hoạch thành phố, Sở Lao động, Ủy ban xây dựng cơ bản, Cục Thống kê, Ngân hàng thành phố còn có nhiệm vụ :

Ủy ban Kế hoạch thành phố: hướng dẫn và quản lý việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh ở thành phố và giao chỉ tiêu, kế hoạch giá thành đơn vị sản phẩm và mức giảm giá thành cho các Sở.

Sở Lao động : Hướng dẫn và phản lý việc xây dựng định mức lao động cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc thành phố quản lý. Xác định và thông báo về mức thu nhập của người lao động ở các ngành nghề trong khu vực quốc doanh CTHD trong tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp chịu trách nhiệm chính phối hợp với các Sở Quản lý ngành hướng dẫn mức học phí dạy nghề ở các trung tâm do các Hội, Đoàn thể quản lý và ở các trường do tư nhân mở lớp (trong diện được Ủy ban Nhân dân thành phố cho phép).

Ủy ban Xây dựng cơ bản thành phố: chịu trách nhiệm chính phối hợp cùng

với Sở Xây dựng, Ủy ban Vật giá thành phố trong việc xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành bộ đơn giá xây dựng cơ bản áp dụng ở thành phố. Duyệt giá dự toán các công trình xây dựng mà thành phố được phân cấp xét duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật và thiết kế kỹ thuật.

Cục Thống kê : Cùng Ủy ban Vật giá thành phố theo dõi và báo cáo tình hình giá cả thị trường; tính toán và công bố chỉ số vật giá định kỳ theo sự hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Ngân hàng Nhà nước thành phố : Chỉ đạo các Ngân hàng Quận, Huyện quản lý chặt chẽ cho việc thanh lý thanh toán các hợp đồng kinh tế theo đúng mức giá chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền theo quy định này.

Điều 5.- Ủy ban nhân dân quận, huyện có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Chỉ đạo các cơ quan xí nghiệp do quận, huyện quản lý chấp hành chính sách giá, nguyên tắc và phương pháp hình thành giá, chế độ quản lý giá và giá chỉ đạo của Nhà nước.

2. Báo cáo và kiến nghị với Ủy ban Vật giá thành phố xử lý những trường hợp vi phạm kỷ luật giá của các đơn vị ngoài phạm vi quản lý của quận, huyện đóng trên địa bàn quận, huyện.

3. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện và xử lý các vụ vi phạm chế độ đăng ký, niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết trên địa bàn quận, huyện.

4. Quyết định giá một số sản phẩm và dịch vụ cho các đơn vị thuộc quận, huyện sản xuất kinh doanh (theo danh mục số 4 đính kèm)

5. Kiểm tra các cơ quan xí nghiệp hoạt động trên địa bàn quận, huyện (kể cả cơ quan xí nghiệp tư hoặc thành phố quản lý) trong việc chấp hành chế độ quản lý giá và giá chỉ đạo của Nhà nước.

Tổ chức Vật giá Quận, Huyện là cơ quan chuyên môn của Ủy ban Nhân dân quận, huyện có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân quận huyện chỉ đạo công tác giá ở quận, huyện và được Ủy ban nhân dân quận, huyện ủy quyền kiểm tra việc chấp hành kỷ luật giá của Nhà nước trên địa bàn quận, huyện, đồng thời tham gia cùng với các ngành kế hoạch, tài chính, Ngân hàng... ở quận, huyện trong việc xác định kế hoạch và thực hiện kế hoạch giá thành, phí lưu thông sản phẩm các các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc quận, huyện quản lý và là thành viên của Hội đồng xét duyệt kế hoạch của quận, huyện. Mặt khác với tư cách là cơ quan của Ủy ban Vật giá thành phố ở quận, huyện chịu sự chỉ đạo của Ủy ban Vật giá thành phố về việc thực hiện và vận dụng chính sách giá, chế độ và nghiệp vụ công tác giá, báo cáo đầy đủ và kịp thời tình hình công tác giá ở quận, huyện với Ủy ban nhân dân ở quận, huyện và Ủy ban Vật giá thành phố.

Điều 6.- Ủy ban nhân dân phường, xã có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Kiểm tra đôn đốc việc chấp hành giá chỉ đạo thu mua của Nhà nước tại các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất Nông nghiệp, các Hợp tác xã/TT-MB phường, xã, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phường, xã.

2. Tổ chức và kiểm tra việc đăng ký niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết trong phạm vi phường, xã. Xử lý một số vi phạm về đăng ký niêm yết giá tại phường, xã theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố và quận, huyện.

Giáo dục động viên nhân dân trong phường xã quán triệt chủ trương chính sách giá và chế độ quản lý giá cả Nhà nước, qua đó tích cực tham gia đấu tranh ổn định giá cả thị trường.

Điều 7.- Các đơn vị sản xuất kinh doanh, quốc doanh, Công tư hợp doanh (hạch toán kinh tế độc lập) thuộc thành phố, quận, huyện quản lý. Ngoài những nội dung đã quy định trong các điểm 1, 2, 3, 4 của điều 7 trong điều lệ quản lý giá ban hành kèm theo nghị định 33/HĐBT ngày 27 tháng 2 năm 1984 của Hội đồng Bộ trưởng, Các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc thành phố và quận, huyện quản lý còn có trách nhiệm:

1. Lập kế hoạch giá thành, thực hiện hạch toán giá thành và phí lưu thông đơn vị sản phẩm theo đúng chế độ thể lệ của Nhà nước và sự hướng dẫn của Sở chủ quản: Báo cáo với Sở chủ quản, Ủy ban Kế hoạch, Sở Tài chính, Ủy ban Vật giá thành phố về kế hoạch và thực hiện kế hoạch giá thành và phí lưu thông đơn vị sản phẩm.

2. Đối với các Liên hiệp xí nghiệp được duyệt giá xí nghiệp các sản phẩm cùng loại cho từng xí nghiệp hoặc từng nhóm xí nghiệp trong Liên hiệp xí nghiệp, căn cứ vào giá xí nghiệp bình quân mặt hàng đó đã được cấp có thẩm quyền duyệt giá cho Liên hiệp xí nghiệp.

Chương II

TRÌNH TỰ LẬP PHƯƠNG ÁN GIÁ QUYẾT ĐỊNH VÀ CÔNG BỐ GIÁ

Điều 8.- Các Sở chủ quản các đơn vị sản xuất kinh doanh có trách nhiệm lập và trình phương án giá với các cơ quan có thẩm quyền quyết định giá ở thành phố theo sự phân công, phân cấp quản lý giá đã nêu ở chương I của quy định này.

Vận dụng vào điều kiện cụ thể của thành phố các điều 9, 10 và 11 của Điều lệ quản lý giá ban hành kèm theo Nghị định 33/HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Vật giá thành phố có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể việc lập và trình phương án giá.

Điều 9.- Việc xét duyệt giá phải theo đúng điều 12 của Điều lệ quản lý giá ban hành kèm theo Nghị định 33/HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng. Tạm thời trong khi chờ đợi chuyển biến chung, thời hạn xét duyệt một phương án giá (sau khi nhận hồ sơ đúng thể thức và nội dung quy định).

- Giá bán buôn xí nghiệp 30 ngày.

- Giá gia công, thu mua sản phẩm TTCN 15 ngày.

Đối với những phương án giá cần có thêm thời gian nghiên cứu thì cơ quan có thẩm quyền quyết định giá có thể quyết định kéo dài thời hạn duyệt giá nhưng phải thông báo cho cơ quan trình phương án giá biết thời hạn kéo dài tối đa không quá 1 lần thời hạn nói trên.

Nếu quá thời hạn quy định mà cơ quan có thẩm quyền quyết định giá chưa xét duyệt xong thì cơ quan trình phương án giá có quyền tạm thời cho thực hiện mức giá đã kiến nghị trong phương án.

Nếu phương án giá lập trình không đúng quy định thiếu những căn cứ để quyết định hoặc trong đó có những nội dung không chính xác, thì trong phạm vi 10 ngày, kể từ ngày nhận được phương án, cơ quan có thẩm quyền quyết định giá có quyền trả lại phương án, kèm theo những yêu cầu bổ sung hoặc yêu cầu xây dựng lại phương án.

Điều 10.- a) Việc ban hành quyết định giá và việc công bố giá phải theo đúng điều 13 của Điều lệ quản lý giá ban hành kèm theo Nghị định 33/HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng.

b) Tất cả các quyết định giá của các cơ quan được phân công, phân cấp theo quyết định này đều phải gửi cho Ủy ban Vật giá thành phố 1 bản để tổng hợp theo dõi và lập bảng giá chỉ đạo của thành phố.

Chương III

KIỂM TRA, THANH TRA, KỶ LUẬT GIÁ

Điều 11.- Ủy ban Vật giá thành phố có trách nhiệm tổ chức hệ thống thanh tra giá trên địa bàn thành phố.

Điều 12.- Các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thành phố có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh chính sách giá, nguyên tắc và phương pháp hình thành giá, chế độ quản lý giá và giá chỉ đạo của Nhà nước. Mọi hành động vi phạm kỷ luật về giá của Nhà nước như các điểm sau của điều 15 trong điều lệ quản lý giá ban hành kèm theo Nghị định 33/HĐBT ngày 27-2-1984 của Hội đồng Bộ trưởng sẽ bị xử lý thích đáng theo pháp luật hiện hành.

1. Quyết định giá không đúng thẩm quyền, không đúng chế độ quy định.
2. Tự ý thay đổi mức giá, tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá hoặc địa điểm giao nhận hàng hoá đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định.
3. Báo cáo không trung thực chi phí sản xuất, chi phí lưu thông, làm cho giá thành, phí lưu thông và giá cả bị sai lệch (tăng lên hoặc hạ xuống) gây thiệt hại cho Nhà nước và nhân dân.
4. Cung cấp không đầy đủ, không chính xác, không kịp thời những tài liệu và số liệu cần thiết cho việc lập phương án giá, xét duyệt và quyết định giá, kiểm tra và thanh tra giá, trốn tránh hoặc gây khó khăn cho việc kiểm tra, thanh tra giá.
5. Làm chậm trễ việc xét duyệt và công bố giá; không công bố thi hành giá đúng thời hạn đã ghi trong văn bản quyết định giá.
6. Không thi hành đúng chế độ đăng ký, niêm yết giá; bán hàng không đúng giá niêm yết.
7. Lợi dụng, tham ô, móc ngoặc, hối lộ trong việc xây dựng phương án giá, xét duyệt giá, công bố giá.

8. Tiết lộ bí mật về giá của Nhà nước.

Điều 13.- Việc trích thưởng đối với những đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác kiểm tra, thanh tra, phát hiện và xử lý những vụ vi phạm kỷ luật Nhà nước về giá áp dụng theo điều 16 trong Điều lệ quản lý giá ban hành kèm theo Nghị định 33/HĐBT ngày 27 tháng 2 năm 1984 của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 14.- Căn cứ vào những quy định của Trung ương, vận dụng vào điều kiện của thành phố, Ủy ban Vật giá thành phố khẩn trương nghiên cứu trình Ủy ban Nhân dân thành phố ban hành quy chế về kiểm tra và xử lý vi phạm kỷ luật giá.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15.- Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá thành phố có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh thi hành.

Quá trình triển khai thực hiện, Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá phối hợp chặt chẽ với Trưởng ban cải tạo Công thương nghiệp tư doanh và Chủ tịch Quận, Huyện theo sự phân cấp và quản lý giá trong từng phương án từng quy chế cải tạo từng ngành kinh tế kỹ thuật, từng ngành hàng.

ỦY BAN NHÂN DÂN T.P HỒ CHÍ MINH

DANH MỤC I

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ DO

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH GIÁ

1. Cụ thể hóa giá thu mua chỉ đạo của Trung ương đối với thóc tẻ, nếp, lạc vò, mía cây, thuốc lá, cói, đậu xanh, dưa xuất khẩu, tôm xuất khẩu, thịt lợn hơi...

2. Quy định giá thu mua trong hợp đồng hai chiều, giá thu mua khuyến khích rau vùng chuyên canh và những nông, lâm, thủy, hải sản chủ yếu sản xuất, khai thác ở thành phố ngoài diện chỉ đạo giá của Trung ương, hoặc Trung ương không giao chỉ tiêu thu mua, giao nộp.

3. Cụ thể hóa giá các loại vật tư thuộc quyền Trung ương quy định giá cao áp dụng cho thành phố.

4. Quy định giá cước vận tải hàng hóa và vận chuyển hành khách (giá chuẩn) trên các phương tiện cơ giới và trên các loại đường ở thành phố.

5. Quy định đơn giá xây dựng cơ bản khu vực áp dụng thống nhất cho tất cả các công trình xây dựng tại địa phương (trừ những công trình được phép lập đơn

giá riêng cho Ủy ban xây dựng cơ bản Nhà nước duyệt).

6. Quy định giá bán đối với những mặt hàng bán thêm cho cán bộ công nhân viên chức và các đối tượng hưởng lương, hưởng trợ cấp của Nhà nước ngoài những mặt hàng trong diện bán theo định lượng và không theo định lượng mà Nhà nước đã quy định giá.

7. Quy định giá để tính tiền bù lỗ cho cán bộ công nhân viên chức khi phải trả bằng tiền đối với những mặt hàng trong diện phải cung cấp bằng hiện vật (sau khi xin ý kiến của HDBT).

8. Quy định giá bán kinh doanh thương nghiệp (giá chuẩn) đối với một số mặt hàng thiết yếu đến đời sống: gạo, thịt heo, rau, cá, nước mắm, đường, chất đốt.

9. Quy định tỷ giá kết hối ngoại thương đối với từng nhóm hàng xuất khẩu và nhập khẩu của thành phố sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá Nhà nước.

10. Hướng dẫn về giá đối với cải tạo ở thành phố theo chỉ đạo của Trung ương.

DANH MỤC II

SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ DO ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY QUYỀN CHO ỦY BAN VẬT GIÁ THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH GIÁ.

1. Giá mua nông, lâm, thủy, hải sản sản xuất khai thác ở thành phố ngoài diện Trung ương và Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo giá.

2. Khung giá thu mua hàng xuất khẩu trên địa bàn thành phố trên cơ sở quy chế xuất nhập khẩu địa phương và căn cứ vào tỷ giá kết hối ngoại thương do Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo.

3. Khung giá thu mua chuẩn đối với hàng tiêu, thủ công nghiệp do cơ sở tự lo nguyên liệu sản xuất.

4. Cụ thể hóa giá gia công chuẩn của Trung ương chỉ đạo đối với các mặt hàng mà các đơn vị Trung ương đưa gia công ở thành phố và quy định giá gia công cụ thể (kể cả hình thức bán nguyên liệu mua thành phẩm) trong trường hợp Trung ương chưa có giá chỉ đạo.

Quy định giá gia công (kể cả hình thức bán nguyên liệu thu mua thành phẩm) đối với sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do các đơn vị thuộc thành phố Quận, Huyện quản lý (ngoài phần Trung ương chỉ đạo và phân phân công cho các Sở nêu ở danh mục III, phân phân cấp cho quận, huyện nêu ở danh mục IV).

5. Giá gia công in ở thành phố.

6. Giá thuộc da, nuôi da, in bông da.

7. Giá bán buôn vật tư các mặt hàng do các đơn vị thuộc thành phố sản xuất ngoài diện chỉ đạo giá của Trung ương.

8. Giá bán buôn hàng nhập giá bán buôn vật tư đối với hàng thành phố tự

nhập.

9. Giá bán buôn xí nghiệp các mặt hàng do các đơn vị sản xuất thuộc thành phố quản lý ngoài phần chỉ đạo giá của Ủy ban Vật giá Nhà nước.

10. Giá bán buôn công nghiệp các mặt hàng ngoài diện giao nộp Trung ương hàng sản xuất từ vật tư thành phố tự nhập.

11. Giá cước bốc xếp thủ công (áp dụng cho lực lượng bốc xếp chuyên nghiệp hoạt động ở các bến bãi cố định ở thành phố).

12. Giá đóng mới, phương tiện vận tải bộ (ngoài phần phân công cho Sở Giao thông vận tải và các Sở khác nêu ở danh mục III) sửa chữa máy móc thiết bị thuê ngoài có giá trị hợp đồng trên 100.000đồng.

13. Giá đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy thuê ngoài (ngoài phần phân công cho Sở Giao thông vận tải và Sở Thủy sản nêu ở danh mục III) đối với các hợp đồng có giá trị trên 100.000đồng.

14. Giá sửa chữa nhà cửa kho hàng thuê ngoài (vật tư cơ sở mua ngoài) đối với các hợp đồng có giá trị trên 100.000đồng.

15. Giá sửa chữa hệ thống điện lạnh thuê ngoài (vật tư cơ sở mua ngoài) và sửa chữa khác có giá trị hợp đồng trên 500.000đồng.

16. Giá cho thuê kho bãi.

17. Giá bán lẻ:

- Bia, thuốc lá, rượu ở các cửa hàng ăn uống thuộc Sở Ăn uống khách sạn, công ty cung ứng và dịch vụ tàu biển nước ngoài, Công ty Du lịch thành phố.

- Dụng cụ thể dục thể thao trong kế hoạch.

- Thuốc tân dược do các xí nghiệp dược thành phố sản xuất từ nguyên liệu thành phố tự nhập.

- Kính thuốc bán cho cán bộ công nhân viên.

- Thuốc thú y sản xuất từ nguyên liệu thành phố tự nhập.

- Thức ăn gia súc.

- Gà giống, gà thịt, trứng gà thương phẩm do các đơn vị sản xuất quốc doanh cấp thành phố sản xuất.

- Sách báo ấn phẩm, văn hoá phẩm do các đơn vị thuộc thành phố sản xuất.

- Áo quan thông dụng sản xuất từ gỗ nhóm 5 trở xuống.

18. Giá dịch vụ:

- Giá phòng ngủ ở các Khách sạn thuộc sở Ăn uống khách sạn, Công ty Du lịch thành phố.

- Giá bữa ăn của các đoàn khách quốc tế.

- Mức giá bữa ăn phục vụ cho cán bộ công nhân viên chức khu vực hành chính sự nghiệp.

- Giá biểu du lịch trong nước do Công ty Du lịch thành phố tổ chức.
 - Giá vé vào cửa Thảo Cầm Viên, vé trò chơi trẻ em trong Thảo cầm viên. Giá vé vào cổng các Hội chợ Hội xuân do cấp thành phố tổ chức.
 - Giá vé xem biểu diễn nghệ thuật, bóng đá do các đoàn nghệ thuật, đoàn bóng đá trong nước hoặc nước ngoài biểu diễn ở thành phố. Giá vé xem chiếu bóng ở các rạp do thành phố quản lý.
 - Giá mai táng, bốc mộ (giá chuẩn).
 - Giá vé giữ xe 2 bánh.
19. Hướng dẫn nguyên tắc xác định giá và đơn giá đền bù tài sản, hoa màu cho nhân dân do yêu cầu xây dựng các công trình của Nhà nước.
20. Giá thanh lý tài sản do thành phố quản lý.
21. Giá thanh toán cho Ngân sách đối với tài sản mà tư nhân hiến cho Nhà nước.
22. Giá trung, thu mua, giá đưa vào hợp doanh tài sản trong cải tạo ở thành phố theo chỉ đạo của Trung ương và hướng dẫn của Ủy ban Nhân dân thành phố.

DANH MỤC III

Sản phẩm và dịch vụ do Ủy ban Nhân dân thành phố ủy quyền cho các Sở quyết định giá

A) Các Sở và cơ quan sản xuất kinh doanh ngang Sở được định giá mua, bán hàng hóa trong liên kết kinh tế với các tỉnh bạn sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.

B) Ngoài ra được quyết định giá một số sản phẩm và dịch vụ theo sự phân công như sau:

I- SỞ THƯƠNG NGHIỆP:

1. Giá mua heo hơi cụ thể cho các quận (huyện), theo giá chuẩn của Ủy ban nhân dân thành phố và sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.

2. Giá mua trâu, bò, thịt ở thành phố sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.

3. Quy định giá mua cụ thể hàng tiêu, thủ công nghiệp mà cơ sở tự lo nguyên liệu sản xuất căn cứ vào khung giá chỉ đạo của Ủy ban Vật giá thành phố (đối với phần các Công ty, Cửa hàng thương nghiệp cấp thành phố mua).

4. Giá gia công hàng công nghiệp, tiêu, thủ công nghiệp (trừ pháo Tết) phần các Công ty, Cửa hàng thương nghiệp cấp thành phố gia công ở thành phố và theo giá chuẩn của Ủy ban Vật giá thành phố.

5. Cụ thể hóa giá bán kinh doanh thương nghiệp các mặt hàng thiết yếu; thịt heo, rau, cá, nước mắm, đường, chất đốt theo giá chuẩn của Ủy ban Nhân dân thành phố và sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.

6. Quy định giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp áp dụng tại thành phố các loại hàng hóa của các công ty, cửa hàng thương nghiệp cấp thành phố, theo tinh thần Quyết định 622/QĐ-UB ngày 16 tháng 11 năm 1982 của Ủy ban Nhân dân thành phố.

Những mặt hàng sau đây, Sở Thương nghiệp phải xây dựng phương án giá để Ủy ban Vật giá thành phố xem xét thống nhất trước khi công bố giá.

- Thịt bò phi lê, bò kho.
- Rượu sirô, bánh trung thu, mứt Tết, pháo Tết
- Kem đánh răng.
- Bột giặt, xà bông cây 45% acid béo, xà bông thơm do xí nghiệp quốc doanh thành phố sản xuất.
- Giấy viết, giấy in, vở học sinh.
- Nồi nhôm, dếp nhựa.
- Một số loại vải: cheviotte, gabardine, soie, Pháp, Katé.
- Máy may, quạt trần, quạt bàn, máy thu thanh, thu hình, máy chiếu phim, bóng đèn tròn, đèn ống.
- Xe đạp và một số phụ tùng xe đạp: vỏ, ruột, đui đĩa, xích, líp.
- Xi măng, gạch ống, gạch thẻ, gạch bông, tôn lợp nhà, fibrociment, sơn.

7. Quy định khung giá và hướng dẫn các quận huyện quy định giá cụ thể.

Về giá công dịch vụ may đo, cắt, uốn tóc, giặt ủi, đánh máy, sửa chữa xe đạp, máy thu thanh, thu hình, dụng cụ điện, máy đánh chữ.

8. Hướng dẫn giá mua, bán hàng tự doanh của thương nghiệp hợp tác xã.

9. Căn cứ vào sự chỉ đạo của Trung ương quy định mức chiết khấu thương nghiệp cho từng đơn vị, từng cấp trong ngành.

10. Cùng Ủy ban Vật giá thành phố hướng dẫn mức giá niêm yết cho tư thương đối với những mặt hàng mà ngành kinh doanh.

II- CÔNG TY VẬT TƯ TỔNG HỢP THÀNH PHỐ:

1. Khung giá mua các loại phế liệu kim loại, mảnh chai, giấy vụn, nhựa, vải vụn và các thứ khác (trừ lông vịt) thu gom trong nhân dân và từ các nơi đưa về thành phố, sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.

2. Giá gia công tái chế phế liệu kim loại phục hồi, tân trang máy móc thiết bị do các đơn vị thuộc Công ty đưa đi gia công ở thành phố.

III- TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH PHỐ:

1. Giá mua một số hàng xuất chủ yếu, (vịt, lông vịt, com dừa, đậu xanh) trong từng thời kỳ căn cứ và khung giá chỉ đạo của Ủy ban Vật giá thành phố.

IV- CÔNG TY CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ TÀU BIỂN NƯỚC NGOÀI, CÔNG TY DU LỊCH THÀNH PHỐ:

1. Giá ăn uống và dịch vụ thu bằng tiền Việt Nam tại các cửa hàng, cửa hiệu trực thuộc ngoài diện chỉ đạo giá của Ủy ban Vật giá thành phố.

2. Giá bán hàng kỷ niệm thu bằng tiền Việt Nam tại các cửa hàng trực thuộc, sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.

V- SỞ ĂN UỐNG KHÁCH SẠN:

1. Giá ăn uống ở các cửa hàng ăn uống quốc doanh, hợp doanh, do Sở quản lý ngoài diện chỉ đạo giá của Ủy ban Vật giá thành phố.

2. Giá các sản phẩm do các đơn vị thuộc Sở sản xuất và tiêu thụ trong nội bộ ngành.

3. Giá bán các loại bánh do các đơn vị thuộc sở sản xuất (trừ bánh trung thu).

4. Hướng dẫn các quận, huyện quản lý giá ăn uống.

VI- SỞ THỂ DỤC THỂ THAO:

1. Giá vé xem thi đấu thể dục thể thao (ngoại trừ bóng đá) do cấp thành tổ chức. Giá vé vào hồ bơi do Sở quản lý. Hướng dẫn quận, huyện quản lý các loại giá này ở quận, huyện.

2. Giá bán dụng cụ thể dục thể thao ngoài kế hoạch.

VII- SỞ LƯƠNG THỰC VÀ CÔNG TY KINH DOANH LƯƠNG THỰC TP

1. Giá bán lương thực theo tiêu chuẩn định lượng cho các đối tượng ngoài diện được mua lương thực theo giá chỉ đạo của Trung ương, căn cứ vào giá chuẩn của Ủy ban nhân dân thành phố và sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.

2. Giá bán kinh doanh ở thị trường gạo, nếp, bột mì do các cửa hàng lương thực quốc doanh kinh doanh sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.

3. Giá bán lương thực chế biến do các đơn vị trực thuộc tổ chức gia công sản xuất.

4. Khung giá gia công chế biến lương thực sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.

VIII- SỞ CÔNG NGHIỆP:

1. Giá giao bán thành phẩm (điều động nội bộ). Giá giao phụ tùng, thiết bị lẻ, các khuôn mẫu và các chi tiết sản phẩm có tính cách tiêu dùng phục vụ cho các xí nghiệp trong ngành hoặc phục vụ cho các cơ quan xí nghiệp ngoài ngành mà sản xuất có tính cách đơn chiết và đột xuất ngoài kế hoạch.

2. Giá bán phụ tùng thay thế và sửa chữa, thiết bị lẻ phục hồi do xí nghiệp thuộc Sở tự cân đối vật tư sản xuất và nằm ngoài diện chỉ đạo giá của Trung ương. Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban Vật giá thành phố.

3. Giá bán các sản phẩm do các xí nghiệp hợp doanh thuộc Sở sản xuất căn cứ khung giá chuẩn của Ủy ban Vật giá TP.

4. Giá bán buôn vật tư hàng ngoài chỉ tiêu Nhà nước tiêu thụ trong nội bộ Sở (trừ vật tư thành phố tự nhập).

5. Giá sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải bộ do xí nghiệp thuộc Sở sửa chữa cho các đơn vị trong nội bộ Sở.

6. Giá tài sản cố định của cơ sở tư nhân đưa vào các xí nghiệp hợp doanh do Sở quản lý theo hướng dẫn của Ủy ban Vật giá thành phố.

7. Giá gia công phụ tùng xe đạp phần các đơn vị thuộc Sở quản lý đưa đi gia công trong thành phố.

8. Giá gia công do các đơn vị thuộc Sở quản lý hợp đồng gia công cho các đơn vị thuộc thành phố, quận, huyện quản lý (trừ các ngành hàng dệt, hồ, tẩy, nhuộm, in bông, may mặc sẵn, phụ tùng xe đạp).

IX- CÁC SỞ QUẢN LÝ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KHÁC :

Ngoài các phần việc nêu trong các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6 của Sở Công nghiệp, các Sở còn được ủy quyền quyết định:

1. Sở Giao thông vận tải :

a) Cụ thể hóa giá cước vận tải hàng hóa và vận chuyển hành khách trong nội bộ thành phố do các đơn vị vận tải quốc doanh, công tư hợp doanh, thuộc Sở thực hiện theo mức giá chuẩn của Ủy ban Nhân dân thành phố và sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.

b) Giá vận chuyển hàng hóa và hành khách của các hợp tác xã vận tải ở thành phố sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.

c) Giá cho thuê xe du lịch, giá cước xe taxi, xe lam, xe xích lô, xe ba gác sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố. Giá cước qua phà do thành phố quản lý theo giá chuẩn của Bộ và sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.

d) Giá sửa chữa phương tiện vận tải thủy trong nội bộ Sở.

Giá sửa chữa phương tiện vận tải thủy do các đơn vị thuộc Sở hợp đồng sửa chữa cho bên ngoài hoặc phương tiện của các đơn vị thuộc Sở thuê các cơ sở thuộc quận, huyện quản lý, sửa chữa có giá trị hợp đồng từ 1 triệu đồng trở xuống.

e) Giá sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải thực hiện trong nội bộ Sở.

g) Giá sửa chữa duy tu cầu đường thuộc thành phố.

h) Lệ phí bến bãi do ngành Giao thông vận tải quản lý.

2. Sở Thủy sản :

a) Giá sửa chữa phương tiện, vận tải thủy thực hiện trong nội bộ Sở.

b) Giá sửa chữa phương tiện vận tải thủy do các đơn vị thuộc Sở hợp đồng sửa chữa cho bên ngoài có giá trị hợp đồng từ 1 triệu đồng trở xuống.

c) Giá gia công dệt lưới, bao bì của xí nghiệp thuộc Sở hợp đồng với các đơn vị thuộc thành phố quản lý.

- d) Giá mua giống thủy, hải sản của người sản xuất ở thành phố.
- e) Giá bán cá giống, cá thịt của xí nghiệp nuôi trồng thuộc Sở.
- g) Giá mua thỏa thuận cá chượp làm nước mắm.
- h) Giá mua thủy hải sản xuất khẩu trên địa bàn thành phố..

3. Sở Quản lý Nhà đất và công trình công cộng :

- a) Giá sửa chữa, đường ống nước trên đường phố, bên trong nhà của các cơ quan xí nghiệp và nhân dân.
- b) Giá sửa chữa kho bãi, sửa chữa nhà, quét vôi (theo định mức đơn giá được duyệt) cho cơ quan xí nghiệp và nhân dân.
- c) Giá làm mới, sửa chữa : vỉa hè, đèn công cộng, đèn tín hiệu lưu thông, cống thoát nước, nhà vệ sinh công cộng.
- d) Giá đặt mới và thay đổi thủy lượng kế.
- e) Giá vận chuyển xà bần, hút hầm cầu.
- g) Giá bán áo quan ngoại cỡ và áo quan sản xuất từ gỗ nhóm 4 trở lên.
- h) Giá bán chim, cá, hoa, cây cảnh, gỗ, củi, cành thu được do đốn cây trong thành phố.
- i) Giá sửa chữa thang máy.
- k) Giá hỏa táng cụ thể hóa và hướng dẫn các quận, huyện quản lý giá mai táng, bốc mộ theo giá chuẩn của Ủy ban Vật giá thành phố.

4. Sở Lâm nghiệp

- a) Giá gia công, chế biến gỗ do các đơn vị thuộc Sở quản lý hợp đồng gia công cho các đơn vị thuộc thành phố, quận, huyện quản lý.
- b) Giá bán cây giống.

5. Sở Xây dựng :

Giá gia công sản xuất vật liệu xây dựng do các đơn vị thuộc Sở quản lý hợp đồng gia công cho các đơn vị thuộc thành phố, quận, huyện quản lý.

6. Sở Nông nghiệp :

- a) Giá mua giống cây trồng do Công ty Giống cây trồng thuộc Sở mua của người sản xuất ở thành phố.
- b) Giá mua lại sản phẩm vượt kế hoạch đối với cây, con mà các đơn vị thuộc Sở đưa gia công hoặc nhân giống trong nhân dân sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.
- c) Giá gia công gia súc, gia cầm của các đơn vị chăn nuôi gia công các Nông trường thuộc Sở hợp đồng gia công với nhân dân sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.
- d) Giá bán gia súc phải loại trong quá trình chăn nuôi gia công của các đơn vị

thuộc Sở.

e) Giá bán heo hậu bị, heo nọc, tinh nhân tạo, vôi, phân hữu cơ do các đơn vị thuộc Sở sản xuất.

g) Đơn giá thụ tinh nhân tạo gia súc.

h) Giá bán heo thịt, heo giống, thức ăn gia súc, ngoài chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh.

i) Hướng dẫn giá cày bừa thô sơ, giá bơm nước.

7. Sở Y tế :

a) Giá mua, bán, hoa hồng chiết khấu các loại dược liệu ở thành phố ngoài diện chỉ đạo giá của Trung ương.

b) Giá mua, bán thuốc tân dược (mua ở các cửa khẩu thành phố và qua kiều hối)

c) Giá bán thuốc dân tộc, các loại thuốc do quận, huyện sản xuất và tiêu dùng trong nội bộ quận, huyện.

d) Giá hàng viện trợ cho ngành Y tế.

e) Giá bán các loại kính đeo mắt do các đơn vị thuộc Sở quản lý sản xuất ngoài diện chỉ đạo giá của Ủy ban Vật giá thành phố.

g) Hướng dẫn bán thuốc ngoại nhập ở các nhà thuốc, sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.

h) Hướng dẫn các quận, huyện quản lý giá dịch vụ y tế ở khu vực tập thể, tư nhân như trồng trám răng, nhổ răng, khám bệnh, tiêm thuốc, tiểu phẫu, chụp quang tuyến.

8. Sở Văn hoá thông tin :

a) Hướng dẫn giá mua ngoài vật tư ngành in, điện ảnh, nhiếp ảnh, băng, cassette, loa, ampli, micro, nhạc cụ...

b) Giá bán lẻ sách cũ, hàng ký gởi vật tư nhiếp ảnh, điện ảnh ngoại nhập, nhạc cụ.

c) Hướng dẫn giá cho thuê sách.

e) Giá vé xem Video cassette.

g) Hướng dẫn giá công dịch vụ : photocopy, chụp ảnh, phóng ảnh, in ảnh, sang băng nhạc, sửa chữa máy chụp ảnh, máy quay phim, máy chiếu phim do các cơ sở dịch vụ quốc doanh tập thể tư nhân trên địa bàn toàn thành phố.

h) Hướng dẫn các quận, huyện về giá vé xem chiếu bóng, xem văn nghệ, vé vào cửa hội chợ, hội xuân thuộc phần quận, huyện quản lý.

C. Các Sở và cơ quan sản xuất kinh doanh ngang Sở không được ủy quyền lại cho các đơn vị trực thuộc, (trừ những đơn vị đã được phân công cụ thể trong danh mục này).

DANH MỤC IV
SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ DO ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN, HUYỆN QUYẾT ĐỊNH GIÁ

1. Giá thu mua nông sản, thực phẩm sản xuất và tiêu thụ trong phạm vi quận, huyện.

2. Giá thu mua, giá gia công : ô đê các loại, con dẫu nghiệp vụ, giỏ tre, sọt cần xé, nón lá, giẻ lau máy do các cơ sở trong quận, huyện sản xuất hợp đồng với các đơn vị do quận, huyện quản lý và các đơn vị ngoài phần quận, huyện quản lý.

3. Giá thu mua hàng TTCN khác (cơ sở tự lo nguyên liệu sản xuất) do các đơn vị thuộc quận, huyện quản lý hợp đồng mua của các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong quận, huyện (trừ hàng xuất khẩu, bao bì gỗ, bao bì nhựa).

a) Nếu là hàng mà thành phố đã có giá chỉ đạo thì phải chấp hành mức giá chỉ đạo.

b) Cụ thể hóa khung giá chỉ đạo của Ủy ban Vật giá thành phố nếu là mặt hàng nằm trong khung giá.

c) Quy định giá nếu là mặt hàng nằm ngoài khung giá chỉ đạo của thành phố và là hàng chưa có giá chỉ đạo cụ thể của Ủy ban Vật giá thành phố, Sở Thương nghiệp.

4. Giá mua nông sản, thực phẩm xuất khẩu của Công ty cung ứng hàng xuất khẩu quận căn cứ vào khung giá của Ủy ban Vật giá thành phố (trừ tôm, mực (tươi và khô) vệt, lông vệt, com dừa, đậu phộng do Ủy ban Vật giá thành phố và Tổng Công ty xuất nhập khẩu thành phố, Sở Thủy sản quy định giá).

5) Giá gia công chăn nuôi gia súc do các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc quận, huyện quản lý hợp đồng với nhân dân trong quận, huyện.

6. Giá gia công : nghiền bột thạch cao, đóng, xén sách do các cơ sở thuộc quận, huyện quản lý, hợp đồng với các đơn vị Nhà nước.

7. Giá gia công một số hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khác (trừ giá gia công hàng xuất khẩu) theo giá chuẩn của Ủy ban Vật giá thành phố, đối với các hợp đồng mà các bên hợp đồng (a và b) đều ở trong cùng quận, huyện và là đơn vị do quận huyện quản lý.

Cụ thể : - Nhóm hàng nhựa (trừ bao bì bằng nhựa như thùng, lu, cal, bao PP, bao PE).

- Nhóm hàng cao su (trừ găng tay, vỏ ruột xe ô tô).
- Nhóm đồ nhôm gia dụng.
- Cửa xẻ gỗ và chế biến gỗ (trừ bao bì gỗ)
- Nhóm phụ tùng xe đạp, hàng điện máy.
- Nhóm hàng bằng da và giả da.
- Nhóm hàng bằng thủy tinh.

- Nhóm đồ chơi trẻ em bằng gỗ, sắt, nhựa...
- Tim đèn, lưới bóng chuyền, nùi lau nhà (bằng vải sợ cotton).
- Dệt vải, may mặc sẵn, đan len (trừ hồ, tẩy, nhuộm, in bông).

8. Giá gia công chế biến các mặt hàng từ lương thực do các đơn vị thuộc quận, huyện quản lý đưa gia công ở các cơ sở sản xuất trong quận huyện theo khung giá hướng dẫn của Công ty kinh doanh lương thực thành phố sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban Vật giá thành phố.

9. Giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp các sản phẩm do các đơn vị sản xuất kinh doanh quốc doanh, công ty hợp doanh thuộc quận quản lý từ nguồn vật tư nguyên liệu do quận tự cân đối.

10. Giá sửa chữa máy móc thiết bị, tàu (vật tư không được cấp bán theo giá chỉ đạo) do các cơ sở thuộc quận, huyện quản lý thực hiện và giá hợp đồng từ 100.000 đồng trở xuống. Riêng sửa chữa ô tô từ nay giao cho quận, huyện (Phòng Vật giá) duyệt.

- Giá sửa chữa điện lạnh, sửa chữa khác (vật tư không được cấp bán theo giá chỉ đạo) do các cơ sở thuộc quận huyện quản lý thực hiện với giá trị hợp đồng từ 50.000 đồng trở xuống.

Giá sửa chữa nhà cửa (vật tư không được cấp bán theo giá chỉ đạo) do các cơ sở thuộc quận, huyện quản lý hợp đồng với các đơn vị trên địa bàn thành phố (Trung ương, thành phố, quận, huyện), với giá trị hợp đồng từ 100.000 đồng trở xuống, giá theo sự hướng dẫn và quy chế của UBND thành phố.

11. Giá bán cây giống, con giống ngoài diện chỉ đạo giá của thành phố, gia súc thải loại trong quá trình chăn nuôi gia công của các đơn vị của quận, huyện.

12. Giá bán các sản phẩm do xí nghiệp quốc doanh, công ty hợp doanh thuộc quận, huyện sản xuất từ vật tư nguyên liệu do quận tự cân đối, ngoài diện các mặt hàng thành phố đã chỉ đạo giá bán buôn vật tư hoặc giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp.

Giá bán sản phẩm do các xí nghiệp hợp doanh thuộc quận, huyện sản xuất từ nguồn vật tư tự cân đối căn cứ vào khung giá của Ủy ban Vật giá thành phố.

13. Giá bán hàng tự doanh của HTX/MB-TT quận (huyện), phường (xã) theo sự hướng dẫn của Sở Thương nghiệp.

14. Giá mua bán các loại dầu gió, dầu cau do các cơ sở thuộc quận huyện quản lý sản xuất theo sự hướng dẫn của Sở Y tế.

15. Giá bán bản tin của quận huyện phát hành.

16. Giá dịch vụ ăn uống ở các cửa hàng quốc doanh, hợp doanh thuộc quận huyện quản lý theo sự hướng dẫn của Sở Ăn uống khách sạn.

17. Giá cho thuê phòng trọ thuộc quận huyện quản lý theo giá chuẩn của Ủy ban Vật giá thành phố.

18. Giá vé xem chiếu bóng ở các rạp do quận huyện quản lý theo giá chuẩn

của thành phố và theo sự hướng dẫn của Sở Văn hóa thông tin.

Giá vé vào cửa hội chợ, Hội xuân do quận huyện tổ chức, theo sự hướng dẫn của Sở Văn hóa thông tin.

Giá vé xem biểu diễn văn nghệ do các đơn vị thuộc quận huyện quản lý diễn trên địa bàn quận huyện theo sự hướng dẫn của Sở Văn hoá thông tin.

Giá chụp, in, phóng ảnh, sang băng nhạc, sửa chữa : máy chụp ảnh, máy quay phim, máy chiếu phim, do các cửa hiệu thuộc quận, huyện quản lý thực hiện theo sự hướng dẫn của Sở Văn hóa thông tin.

19. Giá cắt tóc, may đo, giặt ủi, sửa chữa đồ điện, sửa chữa máy thu thanh, thu hình ở quận huyện theo sự hướng dẫn của Sở Thương nghiệp.

20. Giá vé xem thi đấu thể dục thể thao (ngoài trừ bóng đá) do quận huyện tổ chức ở sân bãi thuộc quận, huyện quản lý theo hướng dẫn của Sở Thể dục thể thao.

21. Giá cước vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách trên các phương tiện thô sơ và trên các loại đường ở quận, huyện ngoài phần chỉ đạo giá của thành phố như: đò, xe bò, xe ngựa, xe trâu (nếu là vận tải liên quận, huyện thì bàn bạc giữa các quận có liên quan để thống nhất mức giá chỉ đạo).

22. Giá cước bốc xếp thô sơ quận, huyện ngoài phần chỉ đạo giá của thành phố và theo giá chuẩn của Ủy ban Vật giá thành phố.

23. Giá dịch vụ bốc mộ, hoả táng, mai táng ở quận, huyện theo hướng dẫn của Sở Quản lý Nhà đất và công trình công cộng thành phố.

24. Giá dịch vụ y tế theo sự hướng dẫn của Sở Y tế.

25. Giá dịch vụ phục vụ khác ngoài phần chỉ đạo giá của thành phố.

26. Giá điều hòa trong nội bộ hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp về tiền công, tư liệu sản xuất nông nghiệp.

27. Giá thanh lý tài sản thuộc diện phân cấp cho quận huyện quản lý.

28. Giá cho thuê máy móc, thiết bị vắng chủ do quận huyện quản lý theo hướng dẫn của Ủy ban Vật giá thành phố.

29. Giá tài sản cố định của các cơ sở tư nhân đưa vào các xí nghiệp, cửa hàng hợp doanh của quận huyện theo sự hướng dẫn của Ủy ban Vật giá thành phố.

30. Giá đền bù tài sản hoa màu ở quận huyện theo hướng dẫn của Ủy ban Vật giá thành phố.

31. Hướng dẫn giá niêm yết ở quận huyện theo hướng dẫn của Ủy ban Vật giá thành phố.